

Biểu: 14/BCT

TÌNH HÌNH BỆNH TẬT VÀ TỬ VONG TẠI BỆNH VIỆN THEO ICD 10

Báo cáo 3, 6, 9, 12 tháng

T T	Tên bệnh/ nhóm bệnh	Mã ICD 10	Tại khoa khám bệnh					Điều trị nội trú								Số trườ ng hợp tử von g đượ c cấp giấ y báo tử			
								Tổng số				Trong đó TE<15 tuổi							
			Tổ ng số	Trong đó					Mã c		BN nặ ng xin về		Số tử von g		Mã c		Số tử vong		
				N ữ	T E < 1 5	B N n ặ ng xin về	T ử vo ng tr ướ c vi ện	T ử vo ng tại vi ện	T S	N ữ	T S	N ữ	T S	N ữ	T S		< 5 t u ổ i	T S	<5 tu ổ i

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

	Persons encountering health services for specific procedures and health care																		
3 1 2	Bệnh do tiếp xúc với dịch vụ y tế vì những lý do khác - Person encountering health services for other reasons	Z31-Z33, Z37, Z55-Z99																	

Mục đích: Đánh giá mô hình bệnh tật và tử vong của từng tỉnh, vùng và quốc gia. Làm cơ sở xây dựng kế hoạch cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh của địa phương.

Thời gian báo cáo: 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và 12 tháng (cả năm).

Cách tổng hợp và ghi chép

Cột 1: Số thứ tự đã in sẵn trong biểu.

Cột 2: Là chương bệnh và tên bệnh cũng đã được in sẵn trong biểu mẫu (21 chương và 312 bệnh).

Cột 3: Là mã hóa bệnh tật theo ICDX, đã được in sẵn trong biểu.

Từ cột 4 đến cột 9: Số mắc và tử vong tại khoa khám bệnh, cụ thể:

Cột 4: Ghi Tổng số mắc của từng bệnh tại phòng khám

Cột 5: Ghi số mắc là nữ của từng bệnh tại phòng khám

Cột 6: Ghi số mắc từng bệnh của trẻ em < 15 tuổi tại phòng khám

Cột 7: Ghi tổng số bệnh nhân nặng xin về tại phòng khám

Cột 8: Ghi tổng số tử vong từng bệnh trước khi nhập viện

Cột 9: Ghi tổng số tử vong từng bệnh tại phòng khám

Từ cột 10 đến cột 19: Ghi số mắc/ số chết của bệnh nhân điều trị nội trú.

Cột 10 và 11: Ghi số mắc chung và số mắc là phụ nữ theo từng bệnh của bệnh nhân điều trị nội trú.

Cột 12 và 13: Ghi tổng số BN nặng xin về và BN nặng xin về là phụ nữ theo từng bệnh của bệnh nhân điều trị nội trú.

Cột 14 và 15: Ghi số tử vong chung và tử vong là nữ của từng bệnh.

Cột 16 đến 19: Ghi số mắc và chết của trẻ em <15 tuổi, cụ thể:

Cột 16: Tổng số mắc của trẻ em <15 tuổi.

Cột 17: Ghi số mắc của trẻ em <5 tuổi.

Cột 18: Ghi tổng số tử vong là trẻ em <15 tuổi theo từng bệnh.

Cột 19: Ghi số trẻ em <5 tuổi tử vong theo từng bệnh.

Cột 20: Số trường hợp tử vong được cấp giấy báo tử.

Nguồn số liệu: Báo cáo bệnh tật và tử vong của tất cả các cơ sở khám/ chữa bệnh trong toàn tỉnh (Biểu 11/BTTV trong báo cáo bệnh viện).

Nguồn: Thông tư 37/2019/TT-BYT đã được bổ sung bởi Quyết định 488/QĐ-BYT năm 2022

